

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYỀN QUANG

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU LUẬT ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN NĂM 2024

Luật Địa chất và khoáng sản được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2024 (sau đây gọi là Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024; Chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 28/2024/L-CTN ngày 02/12/2024; có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 110 Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024¹.

Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14 hết hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2025, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2, các khoản 3, 5, 6, 7, 8 và 9 Điều 111 của Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN NĂM 2024²

1. Căn cứ chính trị, pháp lý

Sau khi Luật Khoáng sản năm 2010 có hiệu lực, nhiều chủ trương, chính sách mới của Đảng và nhà nước liên quan đến quản lý, bảo vệ tài nguyên, trong đó có tài nguyên khoáng sản, cụ thể:

- Hiến pháp năm 2013 quy định: đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Điều 53 Hiến pháp 2013 quy định “...tài nguyên khoáng sản...là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý” đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện các quy định của Luật Khoáng sản. Đến nay, Ban Chấp hành

¹ Khoản 2 và khoản 3 Điều 110 Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024 quy định:

“2. Điểm d khoản 1 Điều 6, Điều 72, Điều 73, Điều 74 và khoản 1 Điều 109 của Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

3. Điểm b khoản 2 Điều 111 của Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 01 năm 2025 và thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 111 của Luật này”.

² Theo Tờ trình số 155/TTr-CP ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ Dự án Luật Địa chất và khoáng sản.

Trung ương Đảng, Bộ Chính trị đã ban hành nhiều Nghị quyết với nhiều quan điểm, chính sách về địa chất, khoáng sản cần thể chế hoá³.

- Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã chỉ rõ định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 “Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên...”.

- Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, nêu rõ: “Đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính, tăng cường và đa dạng hóa nguồn lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; quán triệt và vận dụng có hiệu quả các nguyên tắc: người gây ô nhiễm phải trả chi phí để xử lý, khắc phục hậu quả, cải tạo và phục hồi môi trường; người được hưởng lợi từ tài nguyên, môi trường phải có nghĩa vụ đóng góp để đầu tư trở lại cho quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường”.

- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế: đa dạng hóa các hình thức huy động và sử dụng nguồn lực; thúc đẩy xã hội hóa, thu hút mạnh mẽ các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước; áp dụng nguyên tắc thị trường trong quản lý, khai thác, sử dụng các nguồn lực cho phát triển.

- Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Đặc biệt, ngày 01/02/2022 Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TW về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đây là căn cứ chính trị quan trọng và là kim chỉ nam định hướng xây dựng Luật Địa chất và khoáng sản thay thế Luật Khoáng sản năm 2010 nhằm luật hóa các nội dung cần thiết trong quản lý nhà nước đối với hoạt động địa chất, khoáng sản như: (1) quy định cụ thể nội

³ 06 Nghị quyết: (1) số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; (2) số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; (3) số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế; (4) số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; (5) số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; (6) số Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 30/10/2012 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về “Tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp hóa theo hướng hiện đại”.

dung điều tra cơ bản địa chất, quan trắc, cảnh báo trong điều tra địa chất, tai biến địa chất, tài nguyên địa chất (tài nguyên địa chất, tài nguyên khoáng sản, di sản địa chất, công viên địa chất), các điều kiện địa chất khác; (2) thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản phải quản lý tập trung, thống nhất; (3) quy định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu địa chất; (4) quy định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản; (5) việc tái đầu tư nguồn thu từ khai thác khoáng sản để phát triển giáo dục, y tế, hạ tầng, bảo đảm an sinh xã hội... cho địa phương và người dân nơi có khoáng sản được khai thác; (6) hoàn thiện quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; (7) cấp phép hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản làm VLXDĐT phù hợp với thực tế, nhất là cấp phép cho công trình kết cấu hạ tầng, công trình, dự án quan trọng quốc gia hoặc dự án đầu tư công; (8) hoàn thiện cơ chế quản lý theo nguyên tắc thị trường; (9) xây dựng cơ chế kiểm soát gián tiếp hoạt động khai thác khoáng sản phù hợp để bảo đảm tính công khai, minh bạch, chống tiêu cực, lãng phí tài nguyên khoáng sản.

2. Cơ sở thực tiễn

Sau 13 năm thực hiện Luật Khoáng sản năm 2010, đến nay Quốc hội đã ban hành 01 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch (trong đó có quy hoạch khoáng sản), 01 Nghị quyết liên quan đến tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; Chính phủ ban hành 14 Nghị định, 12 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; các Bộ, ngành liên quan ban hành hơn 70 Thông tư.

Ngoài ra, để giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh từ thực tiễn nhằm cung ứng kịp thời nguồn vật liệu xây dựng thông thường nói chung và vật liệu san lấp nói riêng khi triển khai các công trình, dự án quan trọng của quốc gia, Quốc hội, Chính phủ đã ban hành nhiều Nghị quyết có liên quan⁴. Hệ

⁴ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 về chủ trương đầu tư dự án đường cao tốc Bắc-Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 56/2022/QH15 ngày 16/6/2022 về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội; Nghị quyết số 57/2022/QH15 ngày 16/6/2022 về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1; Nghị quyết số 59/2022/QH15 ngày 16/6/2022 về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu giai đoạn 1 và Nghị quyết số 60/2022/QH15 ngày 16/6/2022 về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1; Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28/11/2023 của Quốc hội về thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ.

Chính phủ đã ban hành các Nghị quyết: số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022; số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022; số 119/NQ-CP ngày 18/9/2022; số 106/NQ-CP ngày 18/8/2022, số 105/NQ-CP ngày 15/8/2022, số 89/NQ-CP ngày 25/7/2022, số 90/NQ-CP ngày 25/7/2022 và số 91/NQ-CP ngày 25/7/2022 để triển khai thực hiện các Nghị quyết nêu trên của Quốc hội. Đồng thời, Chính phủ theo thẩm quyền cũng đã ban hành Nghị quyết số 60/NQCP ngày 16/6/2021, sửa đổi bổ sung tại Nghị quyết số 133/NQ-CP ngày 19/10/2021 ban hành một số cơ chế đặc thù tháo gỡ khó khăn cho các dự án trọng điểm ngành giao thông

thống văn bản pháp luật về khoáng sản cơ bản đầy đủ, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về khoáng sản; đẩy mạnh điều tra địa chất về khoáng sản và công nghiệp khai khoáng; quản lý khoáng sản ngày càng chặt chẽ, hiệu quả hơn.

Bên cạnh đó, quá trình thi hành Luật Khoáng sản năm 2010 vẫn có một số tồn tại, hạn chế như:

(1) Luật Khoáng sản chưa quy định quản lý nhà nước về địa chất, nhất là quản lý thống nhất theo tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành; đặc biệt chưa thống nhất quản lý thông tin, dữ liệu địa chất như Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị đã nêu.

(2) Kinh phí cho điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản chưa bảo đảm vì vậy công tác lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản không đạt mục tiêu đặt ra. Về kinh phí thăm dò khoáng sản sử dụng vốn ngân sách: Kinh phí bố trí cho công tác thăm dò khoáng sản từ nguồn chi thường xuyên bị hạn chế; trong những năm gần đây, một số địa phương đã đầu tư thăm dò khoáng sản có giá trị kinh tế cao, nhu cầu sử dụng lớn để đánh giá đúng chất lượng, trữ lượng của mỏ trước khi đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(3) Về phân nhóm khoáng sản: Tại Điều 64 Luật Khoáng sản năm 2010 có quy định về khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, tuy nhiên chưa quy định rõ các loại khoáng sản khác; Luật Khoáng sản năm 2010 chưa phân định quy trình, thủ tục, hồ sơ lập quy hoạch, cấp phép hoạt động khoáng sản cho các nhóm, loại khoáng sản khác nhau (mỏ kim loại được tiếp cận như mỏ làm vật liệu xây dựng thông thường, kể cả khoáng sản làm vật liệu san lấp).

(4) Về chế biến khoáng sản: Luật Khoáng sản năm 2010 đã tích hợp hoạt động chế biến khoáng sản “phân loại, làm giàu khoáng sản, hoạt động khác nhằm làm tăng giá trị khoáng sản đã khai thác” vào hoạt động khai thác khoáng sản. Tuy nhiên, quá trình thực thi cho thấy chưa có khung pháp lý quy định các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy định thế nào là chế biến khoáng sản, mức độ chế biến khoáng sản.

Để bảo đảm việc sử dụng khoáng sản đúng mục đích và yêu cầu các dự án khai thác khoáng sản gắn với việc sử dụng công nghệ để chế biến ra các sản phẩm có giá trị cao, cần thiết phải quy định rõ hơn về chế biến khoáng sản, cụ thể hoạt động chế biến khoáng sản phải gắn trực tiếp với dự án đầu tư khai thác khoáng sản nhằm làm tăng giá trị khoáng sản nguyên khai đã được khai thác. Như vậy, dự án chế biến khoáng sản độc lập (không thuộc phạm vi điều chỉnh

của Luật) được điều chỉnh bởi pháp luật về đầu tư và pháp luật khác có liên quan.

(5) Việc thu tiền cấp quyền theo trữ lượng khoáng sản được cấp phép là chưa phù hợp vì: (i) Trữ lượng phê duyệt có sai số theo từng cấp trữ lượng; (ii) Trường hợp khai thác không đủ trữ lượng được cấp phép hiện chưa có quy định việc hoàn trả tiền cấp quyền.

(6) Về đồng bộ văn bản quy phạm pháp luật: 13 năm qua, nhiều Luật liên quan đến địa chất, khoáng sản đã được sửa đổi, bổ sung, ban hành mới như: Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Đất đai năm 2013 và năm 2024, Luật Xây dựng năm 2014 và năm 2020, Luật Đấu giá tài sản năm 2016 (sửa đổi, bổ sung năm 2024), Luật quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Luật Đầu tư năm 2020, Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Quy hoạch năm 2017, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Luật Lâm nghiệp năm 2017, Luật Thủy lợi năm 2017, Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015, Luật Đa dạng sinh học năm 2018, Luật Tài nguyên nước năm 2023... Theo đó, một số nội dung của Luật Khoáng sản năm 2010 chưa đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ.

Chính phủ thống nhất với đề xuất đổi tên dự án Luật thành Luật Địa chất và khoáng sản.

Từ các vấn đề nêu trên, thì việc ban hành Luật Địa chất và khoáng sản là cần thiết.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU XÂY DỰNG LUẬT ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN NĂM 2024

1. Quan điểm

- Thể chế hoá đầy đủ các quan điểm của Đảng và Nhà nước đặc biệt là Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị.

- Các quy định của Luật Địa chất và khoáng sản phải bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, đồng bộ với các pháp luật liên quan; rõ ràng, dễ hiểu và mang tính khả thi cao, thúc đẩy đầu tư, xã hội hóa đi đôi với tăng cường bảo vệ, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về tài nguyên địa chất, khoáng sản, gắn với yêu cầu phân công, phân cấp rõ ràng, minh bạch; cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính theo hướng đơn giản, hiệu quả.

- Kế thừa các quy định của Luật Khoáng sản năm 2010 đang phát huy hiệu quả; bãi bỏ các quy định bất cập; cập nhật, sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành cho phù hợp với thực tiễn.

- Tạo hành lang pháp lý toàn diện trong việc bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác; tăng cường công tác bảo vệ môi trường, an toàn lao động trong hoạt động khoáng sản; hài hòa lợi ích giữa Nhà nước với tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản và cộng đồng dân cư nơi có hoạt động khoáng sản.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương chủ động tổ chức việc kiểm soát, giám sát mọi hoạt động khoáng sản, thu hồi khoáng sản trên địa bàn.

- Phù hợp các điều ước, cam kết quốc tế và tiếp cận phương pháp quản trị hiện đại của các nước trên thế giới.

2. Mục tiêu

Chính phủ đã thống nhất mục tiêu với 05 chính sách tổng quát được hướng tới trong quá trình xây dựng Luật gồm: (1) Chính sách về tài nguyên địa chất, khoáng sản; điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản; thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản; (2) Hoàn thiện chính sách về bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản; chiến lược, quy hoạch địa chất, khoáng sản; (3) Hoàn thiện chính sách về khu vực khoáng sản; (4) Hoàn thiện chính sách trong quản lý hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản; (5) Hoàn thiện chính sách tài chính về địa chất và khoáng sản.

III. BỐ CỤC CỦA LUẬT ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN NĂM 2024

Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024 gồm 12 Chương và 111 Điều, cụ thể:

1. Chương I. Những quy định chung, gồm 09 Điều (từ Điều 1 đến Điều 9), quy định về: (1) Phạm vi điều chỉnh; (2) Giải thích từ ngữ; (3) Chính sách của Nhà nước về địa chất, khoáng sản; (4) Nguyên tắc điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản và hoạt động khoáng sản; (5) Nguyên tắc hội nhập và hợp tác quốc tế về địa chất, khoáng sản; (6) Phân nhóm khoáng sản; (7) Bảo vệ tài nguyên địa chất chưa khai thác, sử dụng và khoáng sản chưa khai thác; (8) Quyền lợi, trách nhiệm của địa phương, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân nơi có tài nguyên địa chất, khoáng sản được khai thác; (9) Những hành vi bị nghiêm cấm.

2. Chương II. Chiến lược, quy hoạch địa chất, khoáng sản, gồm: 04 Điều (từ Điều 10 đến Điều 13) quy định về: (1) Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng; (2) Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản; (3) Quy hoạch khoáng sản nhóm I, quy hoạch khoáng sản nhóm II, phương

án quản lý về địa chất, khoáng sản; (4) Căn cứ và nội dung của quy hoạch khoáng sản nhóm I, quy hoạch khoáng sản nhóm II.

3. Chương III. Điều tra cơ bản địa chất, gồm: 06 Điều (từ Điều 14 đến Điều 19) quy định về: (1) Nội dung và trách nhiệm của Nhà nước trong điều tra cơ bản địa chất; (2) Điều tra, khoanh định, lập bản đồ các khu vực di chỉ địa chất, di sản địa chất, tài nguyên vị thế; (3) Điều tra địa chất môi trường, tai biến địa chất; (4) Điều tra địa chất công trình, địa chất đô thị; (5) Điều tra điều kiện địa chất khác; (6) Quyền và nghĩa vụ của tổ chức hoạt động điều tra cơ bản địa chất.

4. Chương IV. Điều tra địa chất về khoáng sản, gồm: 04 Điều (từ Điều 20 đến Điều 23) quy định về: (1) Nội dung và trách nhiệm của Nhà nước trong điều tra địa chất về khoáng sản; (2) Quyền và nghĩa vụ của tổ chức thực hiện điều tra địa chất về khoáng sản; (3) Quy định về tham gia điều tra địa chất về khoáng sản của tổ chức, cá nhân; (4) Đăng ký hoạt động điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản.

5. Chương V. Khu vực khoáng sản; sử dụng đất, nước, khu vực biển và hạ tầng kỹ thuật trong hoạt động khoáng sản, gồm: 03 Mục (từ Điều 24 đến Điều 36), cụ thể:

- **Mục 1. Khu vực khoáng sản**, gồm 05 Điều (từ Điều 24 đến Điều 28) quy định về: (1) Phân loại khu vực khoáng sản; (2) Khu vực hoạt động khoáng sản, khu vực quy hoạch hoạt động khoáng sản; (3) Khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng; (4) Khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ; (5) Khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

- **Mục 2. Quản lý khoáng sản trong khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia**, gồm 06 Điều (từ Điều 29 đến Điều 34) quy định về: (1) Khoanh định khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; (2) Điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; (3) Thời gian dự trữ khoáng sản tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; (4) Quản lý, bảo vệ khoáng sản tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; (5) Thực hiện dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; (6) Bồi thường thiệt hại khi dự án đầu tư bị chấm dứt hoạt động tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

- **Mục 3. Sử dụng đất, nước, khu vực biển và hạ tầng kỹ thuật trong hoạt động khoáng sản**, gồm: 02 Điều (Điều 35, 36) quy định về: (1) Sử dụng đất, khu vực biển, hạ tầng kỹ thuật trong hoạt động khoáng sản; (2) Sử dụng nước, xả thải vào nguồn nước trong hoạt động khoáng sản.

6. Chương VI. Hoạt động khoáng sản, thu hồi khoáng sản, chế biến khoáng sản. Gồm 06 mục, cụ thể:

- **Mục 1. Thăm dò khoáng sản nhóm I, Nhóm II, Nhóm III**, gồm: 16 Điều (từ Điều 37 đến Điều 52), quy định về: (1) Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản; (2) Điều kiện của tổ chức kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản; (3) Lựa chọn tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản; (4) Khảo sát thực địa để lập đề án thăm dò khoáng sản; (5) Diện tích khu vực thăm dò khoáng sản; (6) Đề án thăm dò khoáng sản; (7) Nguyên tắc cấp giấy phép thăm dò khoáng sản; (8) Giấy phép thăm dò khoáng sản; (9) Cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản; (10) Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản; (11) Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản; (12) Quyền ưu tiên đối với tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản; (13) Thăm dò khoáng sản sử dụng vốn ngân sách nhà nước; (14) Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản; (15) Thăm quyền công nhận kết quả thăm dò khoáng sản; (16) Thu hồi, chấm dứt hiệu lực giấy phép thăm dò khoáng sản.

- **Mục 1. Khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III**, gồm: 14 Điều (từ Điều 53 đến Điều 66) quy định về: (1) Điều kiện đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản; (2) Khu vực khai thác khoáng sản, diện tích khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản; (3) Nguyên tắc cấp giấy phép khai thác khoáng sản; (4) Giấy phép khai thác khoáng sản; (5) Cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản; (6) Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản; (7) Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản; (8) An toàn, vệ sinh lao động và kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản; (9) Thiết kế cơ sở của dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ; (10) Giám đốc điều hành mỏ, nhân sự điều hành mỏ; (11) Bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản; (12) Thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản; (13) Khai thác khoáng sản chiến lược, quan trọng, khoáng sản độc hại, khoáng sản phóng xạ; (14) Thu hồi, chấm dứt hiệu lực giấy phép khai thác khoáng sản.

- **Mục 3. Khai thác tận thu khoáng sản**, gồm 05 Điều (từ Điều 67 đến Điều 71) quy định về: (1) Quy định chung về khai thác tận thu khoáng sản; (2) Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; (3) Cấp, gia hạn, điều chỉnh và trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản; (4) Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được phép khai thác tận thu khoáng sản; (5) Thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

- **Mục 4. Khai thác khoáng sản nhóm IV**, gồm: 03 Điều (từ Điều 72 đến Điều 74) quy định về: (1) Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nhóm IV; (2) Quy định chung về khai thác khoáng sản nhóm IV; (3) Cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.

- **Mục 5. Thu hồi khoáng sản**, gồm: 02 Điều (Điều 75, 76) quy định về : (1) Quy định chung về thu hồi khoáng sản; (2) Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân thu hồi khoáng sản.

- **Mục 6. Chế biến khoáng sản**, gồm: 02 Điều (Điều 77, 78) quy định về: (1) Tổ chức, cá nhân chế biến khoáng sản; (2) Quy định chung về chế biến khoáng sản.

7. Chương VII. Bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản; đóng cửa mỏ khoáng sản. Gồm 02 mục, cụ thể:

- **Mục 1. Bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản**, gồm: 02 Điều (Điều 79, 80) quy định về: (1) Yêu cầu chung về bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản; (2) Nội dung bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản.

- **Mục 2. Đóng cửa mỏ khoáng sản.** Gồm: 05 Điều (từ Điều 81 đến Điều 85) quy định về: (1) Yêu cầu chung về hoạt động đóng cửa mỏ khoáng sản; Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản; (3) Thẩm định, phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản; (4) Thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản; (5) Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản.

8. Chương VIII. Quản lý cát, sỏi lòng sông, lòng hồ và khu vực biển, gồm: 03 Điều (từ Điều 86 đến Điều 88) quy định về: (1) Nguyên tắc hoạt động thăm dò, khai thác, thu hồi cát, sỏi lòng sông, lòng hồ và khu vực biển; (2) Nguyên tắc cấp giấy phép thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển; (3) Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác, cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển.

9. Chương IX. Thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản, gồm: 06 Điều (từ Điều 89 đến Điều 94) quy định về: (1) Thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản; (2) Giao nộp, thu nhận thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản; (3) Lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản; (4) Cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản; (5) Trách nhiệm của cơ quan lưu trữ thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản; Bảo tàng địa chất và khoáng sản; (6) Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản.

10. Chương X. Tài chính về địa chất, khoáng sản và đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Gồm 02 mục, cụ thể:

- **Mục 1. Tài chính về địa chất, khoáng sản**, gồm: 05 Điều (Điều 95 đến Điều 99) quy định về: (1) Nguồn thu ngân sách nhà nước từ hoạt động điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản, hoạt động khoáng sản và thu hồi khoáng sản; (2)

Nguyên tắc xác định hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản do Nhà nước đã đầu tư; (3) Hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản giữa các tổ chức, cá nhân; (4) Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; (5) Phương pháp xác định, phương thức thu, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

- Mục 2. Đấu giá quyền khai thác khoáng sản, gồm 07 Điều (từ Điều 100 đến Điều 106) quy định về: (1) Khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản, khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản; (2) Nguyên tắc đấu giá quyền khai thác khoáng sản; (3) Giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước, tiền đặt cọc; (4) Điều kiện của tổ chức, cá nhân được tham gia cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản; (5) Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản; (6) Phương pháp xác định, phương thức thu, nộp, quản lý tiền cấp quyền khai thác khoáng sản ở khu vực trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản; (7) Hủy quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

11. Chương XI. Trách nhiệm quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản, gồm: 02 Điều (Điều 107. 108) quy định về: (1) Trách nhiệm quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản; (2) Thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản.

13. Chương XII. Điều khoản thi hành, gồm: 03 Điều (từ Điều 109 đến Điều 111) quy định về: (1) Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các luật có liên quan; (2) Hiệu lực thi hành; (3) Quy định chuyển tiếp.

IV. NỘI DUNG CƠ BẢN LUẬT ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN NĂM 2024

1. Quy định chung (Chương I)

1.1. Phạm vi điều chỉnh

a) Luật quy định việc điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản; bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác; hoạt động khoáng sản; thu hồi khoáng sản; chế biến khoáng sản; tài chính về địa chất, khoáng sản và đấu giá quyền khai thác khoáng sản; quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản trong phạm vi đất liền, hải đảo, nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) Các trường hợp sau đây không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Địa chất và khoáng sản gồm:

- Dầu khí; các loại nước thiên nhiên không phải là nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên;

- Hoạt động chế biến khoáng sản không gắn với dự án đầu tư khai thác khoáng sản để được cấp giấy phép khai thác khoáng sản hoặc giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Chính sách, điểm mới về phạm vi điều chỉnh: Bổ sung mới và làm rõ hoạt động chế biến khoáng sản thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này nhằm thực hiện giải pháp phòng, chống lãng phí trong việc đầu tư xây dựng cơ sở/nhà máy chế biến khoáng sản khi chưa xác định rõ nguồn nguyên liệu của dự án cũng như hạn chế đầu cơ, giữ mở nhằm trực lợi chính sách và hạn chế tối đa việc tranh chấp vùng nguyên liệu là khoáng sản để cung cấp cho các dự án chế biến khoáng sản. Như vậy, hoạt động chế biến khoáng sản không gắn với dự án đầu tư khai thác khoáng sản để được cấp giấy phép khai thác khoáng sản hoặc giấy phép khai thác tận thu khoáng sản thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Địa chất và khoáng sản.

1.2. Quy định rõ một số thuật ngữ quan trọng để thống nhất cách hiểu theo quy định của Luật này (Điều 2), cụ thể như sau:

- Khoáng sản đi kèm là khoáng sản có thể khai thác cùng với khoáng sản chính và có hiệu quả kinh tế.

- Hoạt động khoáng sản bao gồm thăm dò khoáng sản, khai thác khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Chế biến khoáng sản là quá trình xử lý, gia công khoáng sản sau khai thác thuộc dự án đầu tư khai thác khoáng sản nhằm làm tăng giá trị khoáng sản nguyên khai đã được khai thác.

- Thu hồi khoáng sản là hoạt động kết hợp nhằm lấy được khoáng sản trong quá trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc các hoạt động khác theo kế hoạch được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận.

- Công suất khai thác là khối lượng khoáng sản tối đa hoặc lưu lượng tối đa đối với nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên có thể khai thác được trong một khoảng thời gian nhất định theo dự án đầu tư khai thác khoáng sản hoặc phương án khai thác khoáng sản và được quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

- Tài nguyên khoáng sản là lượng khoáng sản đã được điều tra địa chất về khoáng sản, thăm dò khoáng sản, đáp ứng yêu cầu tối thiểu để có thể khai thác,

sử dụng toàn bộ hoặc một phần tại thời điểm hiện tại hoặc tương lai. Theo mức độ nghiên cứu địa chất, mức độ nghiên cứu khả thi và hiệu quả kinh tế, tài nguyên khoáng sản được chia thành các cấp trữ lượng, các cấp tài nguyên và có độ tin cậy khác nhau.

- Trữ lượng khoáng sản là phần tài nguyên khoáng sản đã được thăm dò, dự kiến có thể khai thác trong điều kiện kinh tế, kỹ thuật nhất định, mang lại hiệu quả kinh tế tại thời điểm đánh giá.

1.2. Quy định nguyên tắc hội nhập và hợp tác quốc tế về địa chất, khoáng sản (Điều 5) để góp phần tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu liên quan đến cung cấp, sản xuất, phân phối và sử dụng nguyên liệu khoáng trong xu thế chung của nền kinh tế thế giới.

1.4. Phân nhóm khoáng sản (gồm 04 nhóm tại Điều 6), trong đó làm rõ khoáng sản nhóm IV chỉ phù hợp với mục đích san lấp bao gồm: bao gồm: khoáng sản chỉ phù hợp với mục đích làm vật liệu san lấp, đắp nền móng công trình, xây dựng công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai, gồm: đất sét, đất đồi, đất có tên gọi khác; đất lẫn đá, cát, cuội hoặc sỏi; cát (trừ cát, sỏi lòng sông, lòng hồ và khu vực biển).

Từ đây, quy định phương thức quản lý theo từng nhóm (quy hoạch khoáng sản hay không phải quy hoạch; cấp phép thăm dò, cấp phép khai thác theo trình tự rút gọn; phân cấp thẩm quyền cấp giấy phép; phân định rõ hoạt động thu hồi khoáng sản với hoạt động khai thác khoáng sản; cải cách quy trình, đơn giản hóa thủ tục hành chính; quy định trường hợp đóng cửa mỏ khoáng sản hoặc lập Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản....).

1.5. Luật hóa quy định về quyền lợi của địa phương nơi có tài nguyên địa chất, khoáng sản được khai thác, cụ thể: Căn cứ tình hình hoạt động khoáng sản trên địa bàn, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc ban hành quy định về trách nhiệm đóng góp kinh phí của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản để đầu tư nâng cấp, duy tu, xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình bảo vệ môi trường trên địa bàn (điểm đ khoản 1 Điều 8) và giao Chính phủ quy định chi tiết.

1.6. Quy định nguyên tắc quan trọng để bảo đảm quyền lợi chính đáng cho tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản ổn định, lâu dài, cụ thể: Ưu tiên tổ chức, cá nhân đang khai thác hợp pháp được thăm dò xuống sâu và mở rộng để đánh giá đầy đủ, không chế hết thân khoáng sản đối với loại khoáng sản được cấp phép mà không phải đấu giá quyền khai thác khoáng sản (điểm đ khoản 2 Điều 4).

1.7 Quy định cấm kinh doanh khoáng sản không có nguồn gốc hợp pháp (khoản 6 Điều 9) nhằm chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản trái phép mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp/cho phép.

2. Quy định về Chiến lược, quy hoạch địa chất, khoáng sản (Chương II)

2.1. Đổi tên Chiến lược khoáng sản thành Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng (Điều 10); tên quy hoạch điều tra địa chất về khoáng sản thành quy hoạch điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản (Điều 11) để phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị.

2.2. Đổi tên quy hoạch khoáng sản nhóm I, quy hoạch khoáng sản nhóm II (Điều 12) để thống nhất với quy định về phân nhóm khoáng sản. Đưa nguyên tắc hạn chế chia cắt khu vực khoáng sản có thể đầu tư khai thác hiệu quả ở quy mô lớn để khoanh định thành các khu vực có quy mô nhỏ vào nguyên tắc lập quy hoạch thay vì quy định tại nguyên tắc, điều kiện cấp phép khai thác như quy định của Luật Khoáng sản năm 2010.

2.3. Quy định mới phương án quản lý về địa chất, khoáng sản là hợp phần trong phương án bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn được tích hợp vào quy hoạch tỉnh (khoản 2 Điều 12).

3. Quy định về điều tra cơ bản địa chất (Chương III)

Đây là Chương quy định mới và có chính sách quan trọng là phân cấp thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện điều tra cơ bản địa chất theo đề án, dự án hoặc nhiệm vụ được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận (điểm d khoản 2 Điều 14); theo đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được sử dụng vốn ngân sách của địa phương để điều tra cơ bản địa chất nhằm phục vụ công tác lập quy hoạch tỉnh.

4. Điều tra địa chất về khoáng sản (Chương IV)

Chính sách, điểm mới của Chương này là phân cấp thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện đánh giá tiềm năng khoáng sản đối với khoáng sản nhóm III, nhóm IV (điểm đ khoản 2 Điều 20).

5. Quy định về khu vực khoáng sản; sử dụng đất, nước, khu vực biển và hạ tầng kỹ thuật trong hoạt động khoáng sản (Chương V)

Một số chính sách, điểm mới của Chương V gồm có:

5.1. Khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khu vực dự trữ chỉ được áp dụng với khoáng sản nhóm I, nhóm II (khoản 1 Điều 27 và tiêu đề của Điều 28).

5.2 Việc thực hiện dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia (Điều 33) gồm các nội dung quan trọng như:

5.3. Thăm dò, khai thác khoáng sản không thuộc đối tượng dự trữ khoáng sản (nhóm I, nhóm II) và có thời gian hoạt động không vượt quá thời gian dự trữ khoáng sản còn lại (điểm c khoản 1 Điều 33).

5.4. Thu hồi khoáng sản là đối tượng dự trữ (khoản 8 Điều 33) theo giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án đầu tư nhưng phải: (i) đánh giá mức độ ảnh hưởng đến khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ trong phạm vi dự án đầu tư. Thời điểm đánh giá được thực hiện trong giai đoạn nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư dự án; (ii) Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp khoáng sản thu hồi chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó thì không phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản quy định tại khoản 3 Điều 98 của Luật Địa chất và khoáng sản.

6. Hoạt động khoáng sản, thu hồi khoáng sản, chế biến khoáng sản (Chương VI)

6.1. Một số chính sách, điểm mới về hoạt động thăm dò khoáng sản gồm có:

- Cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh ngành, nghề thuộc lĩnh vực hoạt động khoáng sản được xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản nhóm III (khoản 2 Điều 37).

- Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản hoặc lập Đề án thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản được quyền: Khảo sát thực địa để lập đề án thăm dò khoáng sản phải có văn bản thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu vực dự kiến thăm dò khoáng sản (Điều 40) mà không cần phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận hoặc cho phép.

- Giấy phép thăm dò khoáng sản có thể được cấp trùng một phần hoặc toàn bộ về ranh giới bề mặt ở khu vực đang có hoạt động khoáng sản cho cùng 01 tổ chức để thăm dò khoáng sản ở các mức sâu khác nhau theo đề án thăm dò khoáng sản. Quy định trường hợp cấp quá 05 giấy phép cho cùng 01 tổ chức hoặc cần thăm dò, khai thác khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản phải được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận bằng văn bản (khoản 1, khoản 2 Điều 43); Quy định về cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản (Điều 45).

- Quyền của tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản có chính sách quan trọng là được ưu tiên nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản đối với tài nguyên, trữ lượng khoáng sản đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày được công nhận.

- Hết thời hạn ưu tiên, tổ chức, cá nhân đã thăm dò khoáng sản không gửi đủ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản thì mất quyền ưu tiên đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc khi có thay đổi về chính sách của Nhà nước dẫn đến không thể thực hiện. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Luật này thì tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác phải hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản cho tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản theo quy định của Luật này (Điều 48).

- Quy định rõ việc Nhà nước sử dụng vốn ngân sách để tổ chức thực hiện thăm dò khoáng sản (Điều 49): Chiến lược, quan trọng; Có giá trị kinh tế cao nhu cầu sử dụng lớn. Ngoài ra còn có các quy định như:

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định danh mục các khu vực thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của mình.

+ Việc thăm dò khoáng sản sử dụng vốn ngân sách nhà nước không phải thực hiện thủ tục cấp giấy phép thăm dò khoáng sản. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 108 của Luật này lựa chọn tổ chức thực hiện đề án thăm dò khoáng sản theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thay vì phê duyệt trữ lượng khoáng sản theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày giấy phép thăm dò khoáng sản hết hạn, tổ chức, cá nhân phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản (Điều 50).

- Quy định rõ một số trường hợp chấm dứt hiệu lực giấy phép (khoản 2 Điều 52) như: (1) Tổ chức, cá nhân bị thu hồi quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, hợp tác xã; (2) Theo bản án, quyết định của Tòa án, phán quyết trọng tài.

6.2 Một số chính sách, điểm mới về hoạt động khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III gồm có:

- Cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh ngành, nghề khai thác khoáng sản được xem xét cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III (khoản 2 Điều 53).

- Quy định rõ khu vực khai thác khoáng sản và diện tích khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản; theo đó, Diện tích khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản bao gồm: diện tích khu vực khai thác khoáng sản; diện tích các công trình phục vụ cho hoạt động khai thác khoáng sản gắn với khu vực khai thác khoáng sản; diện tích hành lang bảo đảm an toàn trong khai thác mỏ (khoản 3 Điều 54).

- Giấy phép khai thác khoáng sản có thể được cấp trùng một phần hoặc toàn bộ về ranh giới bề mặt ở khu vực đang có hoạt động khoáng sản cho cùng 01 tổ chức để khai thác khoáng sản ở các mức sâu khác nhau theo dự án đầu tư khai thác khoáng sản (điểm e khoản 1 Điều 55).

- Quy định về cấp lại giấy phép để làm rõ trường hợp thời hạn khai thác khoáng sản, bao gồm cả thời gian gia hạn, đã hết mà khu vực được phép khai thác còn trữ lượng, việc cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản được thực hiện theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản (điểm b khoản 4 Điều 56).

- Quy định rõ quyền một số quyền và nghĩa vụ quan trọng của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản (Điều 59) như: (i) Thăm dò bổ sung để phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản trong phạm vi ranh giới khu vực được phép khai thác (điểm c khoản 1); (ii) Thu hồi khoáng sản trong phạm vi diện tích thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản khi tiến hành xây dựng cơ bản mỏ hoặc các hoạt động khác phục vụ cho hoạt động khai thác mỏ nhưng phải báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản xem xét, quyết định (điểm d khoản 1); (iii) Sử dụng đất, đá thải mỏ để phục vụ cho mục đích cải tạo, phục hồi môi trường, các công trình phục vụ dự án và các mục đích khác (điểm i khoản 1); (iv) Đầu tư, lắp đặt và vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản và kết nối với hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép theo quy định tại Điều 108 (điểm h khoản 2); (v) Trường hợp đã khai thác đủ trữ lượng khoáng sản quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản mà khu vực khai thác khoáng sản còn trữ lượng và giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực, phải tổng hợp, báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản để điều chỉnh giấy phép theo quy định tại Điều 57, trừ trường hợp khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển quy định tại Chương VIII (điểm n khoản 2).

Lập và phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro và gửi cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; thời điểm phê duyệt đối với các trường hợp khai thác mỏ hầm lò gửi Bộ Công Thương phê duyệt theo quy định (điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều 60).

- Quy định rõ Thiết kế cơ sở của dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ (Điều 61).

- Quy định rõ các trường hợp khai thác khoáng sản phải có Giám đốc điều hành mỏ; các trường hợp không phải có giám đốc điều hành mỏ nhưng phải có nhân sự điều hành mỏ (Điều 62).

- Quy định về khai thác khoáng sản chiến lược, quan trọng (khoản 1 Điều 65).

- Quy định rõ một số trường hợp chấm dứt hiệu lực giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm I, nhóm II cũng như giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (khoản 2 Điều 66), cụ thể là: i) Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, hợp tác xã; ii) Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư; iii) Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất, khu vực biển theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan; iv) Theo bản án, quyết định của Tòa án, phán quyết trọng tài.

- Quy định rõ hoạt động khai thác tận thu khoáng sản bao gồm tất cả các khoáng sản ở bãi thải của mỏ, kể cả đất, đá thải mỏ, đã có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản. Khai thác tận thu khoáng sản không phải căn cứ vào phương án quản lý về địa chất, khoáng sản; thời gian khai thác không quá 10 năm thay vì 05 năm như quy định của Luật Khoáng sản năm 2010 (Điều 67).

- Quy định cấp phép khai thác khoáng sản nhóm IV với chính sách quan trọng để cơ trời, khơi thông nguồn lực khoáng sản nhằm cung cấp vật liệu san lấp cho: (i) Thi công dự án quan trọng quốc gia, dự án đầu tư công khẩn cấp, công trình, hạng mục công trình thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của pháp luật về đầu tư công; ii) Thực hiện biện pháp huy động khẩn cấp để kịp thời ứng phó với tình huống khẩn cấp về thiên tai, thi công công trình phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai (khoản 2 Điều 72) mà không phải thực hiện thủ tục cấp phép thăm dò, phê duyệt trữ lượng; thủ tục trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư, thẩm định và phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường, đăng ký môi trường, nhưng phải lập phương án khai thác khoáng sản nhóm IV,

trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để xem xét, cấp giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định của Luật Địa chất và khoáng sản.

- Quy định về thu hồi khoáng sản (mục 5 Chương VI) để tách bạch với chế định khai thác khoáng sản, thu hồi khoáng sản; theo đó, quy định các trường hợp thu hồi khoáng sản theo trình tự, thủ tục hành chính rất đơn giản mà không phải thực hiện quy trình, thủ tục hành chính cấp phép hoạt động khoáng sản nhưng vẫn bảo đảm hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về khoáng sản (khoản 1 Điều 75) cũng như tính công khai, minh bạch trong thực hiện thủ tục hành chính.

6.3. Một số nội dung quan trọng về thu hồi khoáng sản, gồm có:

- Việc thu hồi khoáng sản không áp dụng đối với nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên.

- Phải đăng ký hoạt động thu hồi khoáng sản với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản, trừ trường hợp sử dụng trực tiếp khoáng sản để phục vụ cho xây dựng công trình hoặc các hạng mục công trình của dự án, đề án, phương án. Thu hồi khoáng sản trong phạm vi diện tích thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản khi tiến hành xây dựng cơ bản mỏ hoặc các hoạt động khác phục vụ cho hoạt động khai thác mỏ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 và điểm c khoản 1 Điều 70 thì phải báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản xem xét, quyết định.

- Người sử dụng đất thực hiện cải tạo, xây dựng công trình trên đất ở, đất nông nghiệp chỉ được phép thu hồi khoáng sản nhóm III, nhóm IV (không được phép thu hồi khoáng sản nhóm I, nhóm II) từ hoạt động cải tạo, xây dựng công trình trên đất ở, đất nông nghiệp.

- Thu hồi khoáng sản trong quá trình thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Không phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong trường hợp sử dụng trực tiếp khoáng sản để phục vụ cho xây dựng công trình hoặc các hạng mục công trình của dự án, đề án, phương án.

- Trường hợp thu hồi khoáng sản nhóm II, nhóm III hoặc nhóm IV để phục vụ cho xây dựng công trình hoặc các hạng mục công trình của dự án, đề án, phương án mà dư thừa thì được cung cấp cho công trình, dự án khác (điểm b khoản 4 Điều 75).

- Trường hợp thu hồi khoáng sản nhóm I được thực hiện: 1) Ở khu vực thi công các hạng mục công trình của dự án đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép thực hiện, kể cả khoáng sản nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu

vực dự trữ khoáng sản quốc gia; 2) Từ hoạt động nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm là khoáng sản trong vùng nước cảng biển, cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão, vùng nước đường thủy nội địa, lòng sông, lòng hồ hoặc tại các vùng nước, đất ngập nước khác theo dự án, kế hoạch được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư phải đánh giá hiệu quả kinh tế khi thu hồi khoáng sản và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để xem xét, quyết định.

- Quy định về chế biến khoáng sản; theo đó, hoạt động chế biến khoáng sản thực hiện theo dự án đầu tư khai thác khoáng sản để được cấp giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Điều 77).

7. Quy định về bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản; đóng cửa mỏ khoáng sản (Chương VII)

Một số chính sách, điểm mới của Chương VII gồm có:

7.1. Quy định trường hợp không phải lập đề án đóng cửa mỏ khoáng sản nhưng phải lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản như: 1) Giấy phép khai thác khoáng sản nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên, khoáng sản ở lòng sông, lòng hồ, khu vực biển; 2) Trả lại một phần diện tích đã khai thác (khoản 2 Điều 82).

7.2. Việc đóng cửa mỏ khoáng sản đối với khai thác khoáng sản nhóm IV ngoài yêu cầu chung về đóng cửa mỏ thì không phải thực hiện thủ tục thẩm định, phê duyệt đề án đóng cửa mỏ, chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản (khoản 3 Điều 82).

7.3. Các trường hợp không phải thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản như: (i) Giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản chấm dứt hiệu lực nhưng chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản; (ii) Giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản đã hết thời hạn khai thác và đang được xem xét để điều chỉnh, gia hạn, cấp lại; (iii) Tổ chức, cá nhân có đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản nhưng chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản (khoản 3 Điều 82).

7.4. Trường hợp số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản hoặc kinh phí xử lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã phát sinh sau khi quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã giải thể hoặc phá sản (nếu có) không đủ để thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản, kinh phí còn thiếu được bổ sung từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước (khoản 3 Điều 84).

7.5. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản với một số điểm mới như: 1) Điều chỉnh về thời gian, khối lượng của các hạng mục công việc trong đề án đóng cửa mỏ khoáng sản hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản sau khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép; 2) Được thuê đất, giao khu vực biển theo quy định của pháp luật phù hợp với thời gian thi công đề án đóng cửa mỏ khoáng sản hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản; 3) Thu hồi khoáng sản trong quá trình thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản.

8. Quản lý cát, sỏi lòng sông, lòng hồ và khu vực biển (Chương VIII)

Một số chính sách, điểm mới của Chương VIII gồm có:

8.1. Phải được kiểm soát và giám sát bằng các phương tiện, thiết bị công nghệ hiện đại để bảo đảm kiểm soát được sự biến động trữ lượng khoáng sản (điểm a khoản 1 Điều 86).

8.2. Không lợi dụng hoạt động nạo vét để khai thác, thu hồi cát, sỏi trái phép (điểm b khoản 2 Điều 86).

8.3. Trường hợp đã khai thác đủ trữ lượng khoáng sản quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản phải dừng khai thác và thực hiện thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản (khoản 3 Điều 86).

8.4. Phải lấy ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giáp ranh trước khi cấp giấy phép trong trường hợp khu vực thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển giáp ranh từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên (khoản 2 Điều 87).

8.5. Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ có thời hạn tối đa không quá 10 năm. Trường hợp thời hạn của giấy phép khai thác ít hơn 10 năm và chưa khai thác hết trữ lượng khoáng sản quy định trong giấy phép khai thác thì được xem xét gia hạn, cấp lại nhưng tổng thời gian cấp, gia hạn, cấp lại không quá 10 năm. Giấy phép khai thác phải quy định thời gian được phép khai thác trong ngày, thời gian khai thác trong năm (khoản 3 Điều 87).

8.6. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác, cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển có một số nội dung mới quan trọng (Điều 88) như: (i) Đăng ký bến bãi, vị trí tập kết, loại phương tiện, thiết bị được sử dụng để khai thác, vận chuyển cát, sỏi theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và quy định khác của pháp luật có liên quan; (ii) Lắp đặt thiết bị giám sát hành trình, lưu trữ dữ liệu, thông tin về vị trí, hành trình di chuyển của phương tiện, thiết bị sử dụng để khai thác, vận chuyển cát, sỏi và kết nối với hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh,

Bộ Tài nguyên và Môi trường; (iii) Ký hợp đồng vận chuyển với các chủ phương tiện đủ điều kiện vận chuyển theo quy định của pháp luật trong trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác không trực tiếp vận chuyển cát, sỏi; (iv) Lắp đặt bảng thông báo để công khai thông tin về giấy phép khai thác, dự án khai thác.

9. Quy định về thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản (Chương IX)

Đây là Chương quy định mới và có một số chính sách quan trọng như sau:

9.1. Thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản được thiết kế tổng thể và xây dựng thành hệ thống thống nhất trong cả nước, phục vụ đa mục tiêu; 2) Cơ sở dữ liệu địa chất, khoáng sản là tập hợp thống nhất toàn bộ kết quả điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản, tài nguyên địa chất, khoáng sản; hoạt động khoáng sản trong phạm vi cả nước được xây dựng, cập nhật, lưu trữ và quản lý đáp ứng yêu cầu truy nhập, cung cấp, sử dụng thống nhất từ trung ương đến địa phương, phục vụ công tác quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản (khoản 2 và khoản 3 Điều 89).

9.2. Quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản (Điều 94): 1) Không được chuyển thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản trái phép cho bên thứ ba; 2) Không được làm sai lệch thông tin, dữ liệu đã được cung cấp; 3) Trả phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Luật này và pháp luật về phí, lệ phí.

10. Tài chính về địa chất, khoáng sản và đấu giá quyền khai thác khoáng sản (Chương X)

Một số chính sách, điểm mới của Chương X gồm có:

10.1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản cho tổ chức, cá nhân đã đầu tư thăm dò khoáng sản theo nguyên tắc sau đây (khoản 1 Điều 97):

- Trong thời hạn ưu tiên 36 tháng kể từ ngày được công nhận, việc hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản cho tổ chức, cá nhân đã đầu tư theo nguyên tắc tự thỏa thuận;

- Sau thời hạn ưu tiên 36 tháng kể từ ngày được công nhận, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 108 của Luật này quyết định chi phí phải hoàn trả.

10.2. Tổ chức, cá nhân đã đầu tư thăm dò khoáng sản bị công bố phá sản, giải thể mà quyền sử dụng thông tin, kết quả thăm dò khoáng sản không chuyển giao hợp pháp cho tổ chức, cá nhân khác thì việc xử lý quyền sử dụng thông

tin, kết quả thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự (khoản 2 Điều 97).

10.3. Các trường hợp không phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản bao gồm (khoản 3 Điều 98): (i) Thu hồi khoáng sản trong diện tích đất của dự án đầu tư xây dựng công trình đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà khoáng sản thu hồi chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó; (ii) Khối lượng khoáng sản nhóm III (trừ bùn khoáng, nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên và than bùn), khoáng sản nhóm IV được khai thác theo giấy phép khai thác khoáng sản sử dụng cho các hạng mục công trình của dự án khai thác đó hoặc chỉ được sử dụng cho các hạng mục công trình của đề án, phương án đóng cửa mỏ của mỏ khoáng sản đó; (iii) Thu hồi khoáng sản trong diện tích đất thuộc quyền sử dụng đất của cá nhân hoặc nhóm người có chung quyền sử dụng đất để xây dựng các công trình trong diện tích đó.

10.4. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được quyết toán theo sản lượng khai thác thực tế (khoản 3 Điều 99).

10.5. Đấu giá quyền khai thác khoáng sản thực hiện ở các khu vực quy hoạch hoạt động khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản, khai thác khoáng sản nhóm IV trừ các trường hợp như sau: (i) Thi công dự án quan trọng quốc gia, dự án đầu tư công khẩn cấp, công trình, hạng mục công trình thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của pháp luật về đầu tư công; (ii) Thực hiện biện pháp huy động khẩn cấp để kịp thời ứng phó với tình huống khẩn cấp về thiên tai, thi công công trình phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai; (iii) cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định phê duyệt, điều chỉnh khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản (khoản 1 Điều 100).

10.6. Điều kiện của tổ chức, cá nhân được tham gia cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản có một số nội dung quan trọng như: (i) Hoàn thành nghĩa vụ tài chính về khai thác khoáng sản được cấp phép; (ii) Không thuộc trường hợp bị cấm tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản (khoản 1 Điều 103).

10.7. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản có một số nội dung quan trọng như: (i) Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá phải nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (ở khu vực chưa có kết quả thăm dò) và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận, trừ trường hợp trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực tận thu khoáng sản, khu vực khoáng sản nhóm IV; (ii) Đối với khu

vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản hoặc trúng đấu giá ở khu vực tận thu khoáng sản, khu vực khoáng sản nhóm IV, trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản, phải nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận; trường hợp bất khả kháng hoặc khi có thay đổi về chính sách của Nhà nước dẫn đến không thể thực hiện thì được kéo dài nhưng không quá 12 tháng (khoản 2 Điều 104).

10.8. Tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với khoáng sản đi kèm phát hiện trong quá trình thăm dò, khai thác khoáng sản sau khi đấu giá quyền khai thác khoáng sản và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép khai thác, thu hồi được xác định bằng tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với khoáng sản cùng loại ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản (khoản 2 Điều 105).

10.9. Tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với loại khoáng sản đưa ra đấu giá quyền khai thác khoáng sản được áp dụng ổn định trong suốt thời gian khai thác khoáng sản, bao gồm cả thời gian điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản (khoản 3 Điều 105).

10.10. Trường hợp khu vực khoáng sản khi đưa ra đấu giá quyền khai thác khoáng sản đã xác định được có từ 02 loại khoáng sản trở lên, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép quy định tại Điều 108 lựa chọn 01 loại khoáng sản để tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của các khoáng sản còn lại được xác định căn cứ theo tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản (khoản 4 Điều 105).

11. Trách nhiệm quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản (Chương XI)

Một số chính sách, điểm mới của Chương XI gồm có:

11.1. Quy định về kiểm tra chuyên ngành địa chất, khoáng sản; theo đó, nội dung về kiểm tra chuyên ngành địa chất, khoáng sản được thực hiện theo quy định của Chính phủ (khoản 5 Điều 107).

11.2. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm quyền: 1) Thẩm định, phê duyệt đề án, báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất đối với đề án, dự án hoặc nhiệm vụ được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận và được thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách của địa phương theo quy hoạch đã được phê duyệt (điểm b khoản 4 Điều 107); 2) Thẩm định, phê duyệt đề án, báo cáo kết quả đánh giá tiềm năng đối với khoáng sản nhóm III, nhóm IV và được thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách của địa phương theo quy hoạch đã được phê duyệt (điểm c khoản 4 Điều 107); 3) Tổ chức việc kiểm

soát, giám sát mọi hoạt động khoáng sản, thu hồi khoáng sản trên địa bàn (bao gồm cả giấy phép do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép điểm đ khoản 4 Điều 107); Giấy phép thăm dò khoáng sản nhóm III, giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III là nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên (điểm a khoản 1 Điều 108).

12. Điều khoản thi hành (Chương XII)

Một số chính sách, điểm mới của Chương XII gồm có:

12.1. Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 44 của Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14, Luật số 59/2020/QH14, Luật số 72/2020/QH14, Luật số 16/2023/QH15 và Luật số 28/2023/QH15, cụ thể không cấp Giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (khoản 2 Điều 109).

12.2. Quy định có hiệu lực sớm từ ngày 15 tháng 01 năm 2025 đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 111 để giải quyết rút điểm tồn tại, vướng mắc tại khoản 1 Điều 84 Luật Khoáng sản năm 2010 (khoản 3 Điều 110) liên quan đến quyền được gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản.

12.3. Đối với các giấy phép khai thác khoáng sản cấp trước ngày Luật Địa chất và khoáng sản có hiệu lực thi hành có nội dung không phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật Địa chất và khoáng sản, trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày Luật Địa chất và khoáng sản có hiệu lực thi hành, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện thủ tục cấp đổi giấy phép khai thác.

Sau thời hạn nêu trên, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải tạm dừng khai thác cho đến khi được cơ quan có thẩm quyền cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản. Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp đổi giấy phép khai thác đối với những trường hợp này (điểm c khoản 2 Điều 111).

12.4. Trường hợp đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trữ lượng khoáng sản trước ngày Luật Địa chất và khoáng sản có hiệu lực thi hành, trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày được phê duyệt trữ lượng (khoản 4 Điều 111).

12.5. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tổ chức cấp giấy phép thăm dò, giấy phép khai thác khoáng sản đối với khoáng sản than thuộc quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia đã được phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành cho đến khi có quyết định điều chỉnh, bổ sung khoáng sản than vào quy hoạch khoáng sản nhóm I của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản đối với nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên

căn cứ vào quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản đã được phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành cho đến khi có quyết định thay thế (khoản 8 Điều 111).

12.6. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản được quyết toán lần đầu theo quy định của Luật Địa chất và khoáng sản và được xác định theo trữ lượng, khối lượng khoáng sản đã khai thác, thu hồi tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 (điểm b khoản 9 Điều 111).

12.7. Trữ lượng, khối lượng khoáng sản còn lại chưa khai thác, thu hồi tại thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025 được phê duyệt lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định của Luật này (điểm c khoản 9 Điều 111).

12.8. Các giấy phép khai thác tận thu khoáng sản cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định của Luật Địa chất và khoáng sản đối với khối lượng khoáng sản còn lại chưa khai thác tại thời điểm Luật Địa chất và khoáng sản có hiệu lực thi hành (khoản 10 Điều 111).

12.9. Đối với các khu vực khoáng sản đã có quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền khai thác khoáng sản trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trong quá trình thăm dò, khai thác sau khi đấu giá quyền khai thác khoáng sản phát hiện khoáng sản đi kèm và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép khai thác, thu hồi thì tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các khoáng sản đi kèm được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 105 (khoản 11 Điều 111)/.

Nơi nhận:

- Các Ban Đảng, UBKT, VP - Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh, VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- UBMTTQ&TCCTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh;
- Hội Luật gia tỉnh; Đoàn Luật sư tỉnh;
- Các tổ chức đại diện của doanh nghiệp, hợp tác xã;
- Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng tại địa phương tương đương cấp tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Phòng Tư pháp huyện, thành phố;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT STP (đăng tải);
- Lưu: VT, PNV1 (L.H.Tùng).

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYỀN QUANG